

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

Bản án số: 47/2019/HS-ST
Ngày 29-9-2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Long Kiêm;

Thẩm phán: Ông Lộc Sơn Thái;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Mã Văn Đâu;

Bà Nguyễn Thị Hoàng Quế;

Ông Lã Xuân Trường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Cao Cường – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Lộc Văn Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 41/2019/TLST-HS ngày 25 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2019/QĐXXST-QĐ ngày 12 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

Lương T, sinh ngày 26/9/1984 tại tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Số 56, thôn T, thị trấn V, huyện T, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: học hết cấp ba; dân tộc: Choang; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Trung Quốc; con ông Lương Quế N và bà Lục Tích H; vợ Lục Triệt V (đã ly hôn), có 01 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Vào ngày 15/01/2009 bị Đoàn Công an Hành Dương Cục công an thành phố Nam Ninh bắt vì tội trộm cướp; tháng 8 năm 2013 bị Đại đội điều tra hình sự phân cục Cảng Bắc của thành phố Quý Cảng bắt giữ vì tội sử dụng ma túy và trộm cắp, sau đó đưa đi cưỡng chế cai nghiện. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 05/3/2019, tạm giam từ ngày 14/3/2019 đến nay; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo L: Bà Triệu Thị Kim L, Luật sư Văn phòng Luật sư T - Đoàn luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Người phiên dịch tiếng Việt - Trung: Ông Dương Doãn X – Cán bộ Phòng PC02 Công an tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Trần Văn L, sinh năm 1993; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 13 giờ 30 phút ngày 05/3/2019, Tổ công tác của Đoàn Biên phòng cửa khẩu C làm nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát tại khu vực bãi đỗ xe số 02, cửa khẩu C, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn đã tiến hành kiểm tra xe taxi biển kiểm soát 12A-100.07 do Trần Văn L điều khiển. Trong lúc tổ công tác thực hiện việc kiểm tra, Lương T đang ngồi ghế phụ mở cửa bỏ chạy về hướng Trung Quốc. Trần Văn L vớt từ trong xe ra 01 chiếc áo khoác màu đen cùng 01 túi nilon màu đen và quay đầu xe đi về hướng thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Tổ công tác đã khống chế Lương T và yêu cầu Trần Văn L điều khiển xe taxi quay lại và thu giữ túi nilon màu đen do Trần Văn L đã vớt ra khỏi xe.

Kiểm tra túi nilon màu đen do Trần Văn L vớt ra ngoài thấy trong túi có nhiều hạt tinh thể màu trắng dạng viên, kích thước không đồng đều. Tổ công tác đã lập biên bản phạm tội quả tang đối với Lương T.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lương T khai nhận: Khoảng tháng 2/2018, Lương T quen biết một phụ nữ Việt Nam tên là P, khoảng 30 tuổi trú tại thôn C, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn là người thường xuyên buôn bán hàng hóa từ Việt Nam sang huyện N, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. Đến tháng 11/2018, Lương T trao đổi, thỏa thuận với P về Việt Nam thu mua hoa quả khô đem sang Trung Quốc cho Lương T. Sau đó Lương T đưa cho P 20 vạn nhân dân tệ (NDT) để về Việt Nam thu mua hoa quả khô, sau khi nhận tiền về Việt Nam, P đã không thu mua hoa quả khô cho Lương T. Không nhận được hàng hóa, Lương T đã nhiều lần gặp và yêu cầu trả lại tiền nhưng P không trả.

Ngày 28/02/2019, Lương T gọi điện thoại hẹn gặp P ở thôn C, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn để đòi lại tiền. Khoảng 20 giờ cùng ngày, Lương T từ huyện N, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc đi theo đường mòn vào khu vực cửa khẩu C. Khi đến nơi, Lương T gọi điện thoại cho P đến đón, khoảng 10 phút sau thì Lương T được một nam thanh niên khoảng 20 tuổi đi xe mô tô không đeo biển kiểm soát đến đón Lương T đến một căn nhà tại thôn C, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Tại đây, Lương T ngồi ăn cơm, uống rượu cùng với P và các bạn của P. Khoảng 00 giờ ngày 01/3/2019, P rủ Lương T đi thành phố Hà Nội chơi, Lương T đồng ý, sau đó P gọi một xe taxi đến đón. Đi cùng Lương T và P còn có hai người đàn ông Lương T không quen biết, trong đó có một người được P giới thiệu là bạn trai P. Trên đường đi Hà Nội, Lương T thấy P gọi điện thoại cho một người tên N nhờ lấy phòng khách sạn. Đến khoảng 03 giờ sáng ngày 01/3/2019, Lương T cùng mọi người đến thành phố Hà Nội gặp bạn của P tên là N và được N rủ đi hát Karaoke, được khoảng 01 tiếng thì mọi người về khách sạn ngủ. Khoảng 09 giờ ngày 02/3/2019, Lương T và P cùng hai người đàn ông đi cùng trước đó đi về tỉnh Bắc Giang thuê phòng khách sạn ở tiếp, khi đến Bắc

Giang thì một người đàn ông đi về Lạng Sơn trước, còn lại Lương T, P và bạn trai của P vẫn ở lại Bắc Giang.

Khoảng 20 giờ ngày 04/3/2019, Lương T được P rủ đi tỉnh Bắc Ninh, Lương T đồng ý. Lương T cùng P đón xe đi từ Bắc Giang sang Bắc Ninh, cả hai đến một địa điểm có một người đàn ông khoảng 45 tuổi, tóc vàng đến đón Lương T và P vào một căn nhà. Tại đây, Lương T gặp lại N đang ngồi cùng với 3 người đàn ông khác, N gọi P đến ngồi cùng trao đổi bằng tiếng Việt Nam. Lương T thấy P lấy một cốc tiền đưa cho N và N đưa cho ba người đàn ông kia kiểm đếm rồi P nhận lấy 01 túi nilon màu đen. Sau đó Lương T và P được đưa ra Quốc lộ 1A trước, được khoảng 30 phút thì N và người đàn ông tóc vàng đi xe ô tô đến đón Lương T và P về khách sạn ở tỉnh Bắc Giang. Sáng ngày 05/3/2019, P sang phòng Lương T nói với Lương T biết P không có 20 vạn NDT để trả lại cho Lương T, đồng thời P nói cho Lương T biết P có 01 túi ma túy đá và bảo Lương T vận chuyển túi ma túy đá sang huyện N, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc bán mới có tiền trả. P dặn Lương T khi mang ma túy đá đến cửa khẩu A thì gọi điện thoại cho P biết để P bảo với một người khác ra nhận ma túy. Lương T giao ma túy và nhận tiền bán ma túy với người này, khi nhận được tiền đem sang Việt Nam đưa cho P thì P sẽ trả cho Lương T 01 vạn NDT trong số tiền 20 vạn NDT. Nghe P nói vậy, Lương T nảy sinh ý định vận chuyển ma túy sang Trung Quốc, khi bán được ma túy sẽ lấy toàn bộ số tiền đã bán ma túy vì nếu không lấy sẽ không lấy lại được tiền đã đưa cho P. P và Lương T xuống cổng khách sạn, P vào một bụi cây trước cổng khách sạn lấy 01 túi nilon màu đen bên trong có ma túy đá đưa cho Lương T và gọi xe ô tô khách đến khách sạn đón Lương T về Lạng Sơn. Lương T một mình ngồi xe ô tô khách về đến thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, đến trước cổng siêu thị Đ, đường L, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn đón xe taxi đi vào cửa khẩu C, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn để đem ma túy đá sang huyện N, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc bán thì bị kiểm tra và bắt giữ.

Tại Kết luận giám định số 114/KL-PC09 ngày 08/3/2019 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: *“Chất tinh thể màu trắng gửi giám định là chất ma túy Methamfetamine có tổng khối lượng 781,33 gam”*.

Tại bản Cáo trạng số: 60/CT-VKS-P1 ngày 24/7/2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Lương T về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và đề cập các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Lương T 20 (hai mươi) năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy đã thu giữ và những vật chứng không còn giá trị sử dụng; trả lại cho bị cáo 01 chiếc điện thoại di động iphone, 01 chứng minh

nhân dân và 01 chiếc đồng hồ đeo tay, 500 NDT. Tịch thu 01 chiếc điện thoại di động NOKIA.

Người bào chữa cho bị cáo cho rằng bị cáo bị truy tố, xét xử về tội Mua bán trái phép chất ma túy là đúng tội nên không có ý kiến tranh luận về tội danh. Xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội chưa đạt nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ để xử phạt bị cáo mức án thấp hơn mức án mà vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị, cụ thể là xử phạt 17 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, người bào chữa, phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự, các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ. Không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận các hành vi phạm tội của bản thân như Cáo trạng đã truy tố, tuy nhiên bị cáo thay đổi lời khai không thừa nhận là trước khi bị bắt bị cáo đã biết túi ma túy từ khi P đưa cho bị cáo. Lời khai nhận tội của bị cáo Lương T phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với lời khai của người làm chứng và Kết luận giám định vật chứng thu được. Ngoài ra, còn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Hồi 13 giờ 30 phút ngày 05/3/2019, bị cáo Lương T đã có hành vi vận chuyển trái phép 781,33 gam ma túy Methamphetamine từ Bắc Giang qua cửa khẩu A, huyện N, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc với mục đích bán để kiếm lời thì bị phát hiện bắt quả tang. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Lương T về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo Lương T là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước. Hành vi mua bán trái phép chất ma túy gây mất trật tự an ninh xã hội, gây hoang mang lo lắng trong dư luận quần chúng nhân dân tại địa phương. Bản thân bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng do hám lời nên bị cáo đã cố ý thực hiện tội phạm. Để có hình phạt thỏa đáng, giúp bị cáo nhận thức rõ về lỗi lầm cũng như chính sách khoan hồng của pháp luật Việt Nam, Hội đồng xét xử xem xét đến nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[4] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân không tốt, ngày 15/01/2009 bị Đoàn Công an Hành Dương Cục Công an thành phố Nam Ninh bắt vì tội trộm cướp, tháng 8 năm 2013 bị Đại đội điều tra hình sự phân cục Cảnh Bắc của thành phố Quý Cảng bắt giữ vì tội sử dụng ma túy và trộm cắp, sau đó đưa đi cưỡng chế cai nghiện.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lương T không có tình tiết tăng nặng.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lương T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, bị cáo Lương T không đủ điều kiện để đảm bảo thi hành án nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Bị cáo Lương T là người Trung Quốc bị kết án trên lãnh thổ Việt Nam nên cần áp dụng Điều 37 Bộ luật Hình sự năm 2015 trục xuất bị cáo Lương T phải rời khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam sau khi mãn hạn tù.

[8] Về vật chứng của vụ án: Số ma túy còn lại sau giám định là vật nhà nước cấm lưu hành và những vật chứng không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 chiếc điện thoại di động Iphone, 01giấy chứng minh nhân dân, 01 đồng đeo tay nhãn hiệu OMEGA và số tiền 500 nhân dân tệ Trung Quốc do không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo. Tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại Nokia. Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án 01 đĩa ghi hình trích xuất Camera màu đen.

[9] Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA, màu bạc, biển kiểm soát 12A-100.07 đã thu giữ qua điều tra xác định không liên quan đến vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã trả lại cho chủ sở hữu, Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[10] Đối với người tên P là người đưa túi ma túy cho Lương T, Cơ quan cảnh sát điều tra đã xác minh tại thôn C, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn không có ai tên P có đặc điểm như bị cáo mô tả. Cơ quan điều tra đã tiến hành thu giữ điện tín đối với số thuê bao 0392971xxx được lưu trong máy NOKIA của Lương T tên P, đến nay tập đoàn Viễn thông Quân đội Viettel chưa cung cấp chủ thuê bao do đó không đủ tài liệu xác minh về P để xử lý trong vụ án.

[10] Đối với người đàn ông tên N là người đưa ma túy cho bị cáo và P, do bị cáo không biết rõ họ tên, địa chỉ của N, ngoài ra cơ quan công an cũng tiến hành thu giữ điện tín đối với số thuê bao 0987201xxx được lưu trong máy NOKIA của Lương T, đến nay tập đoàn Viễn thông Quân đội Viettel chưa cung cấp chủ thuê bao nên không đủ tài liệu xác minh để xử lý trong vụ án.

[11] Đối với ba người đàn ông bán túi ma túy đá cho N, P và Lương T ở tỉnh Bắc Ninh, do Lương T không biết họ tên, địa chỉ của những người này nên Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Lạng Sơn không đủ thông tin để điều tra, xác minh làm rõ.

[12] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên được chấp nhận. Đề nghị của người bào chữa cho bị cáo là không phù hợp với nhận định nêu trên nên không được chấp nhận.

[13] Bị cáo Lương T bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

[14] Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 37 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự ; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lương T phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Lương T 20 (hai mươi) năm tù, Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ 05/3/2019.

Trực xuất bị cáo Lương T phải rời khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam sau khi mãn hạn tù.

Không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo Lương T.

3. Về xử lý vật chứng

3.1. Tiếp tục lưu giữ 01 (một) đĩa ghi hình trích xuất Camera màu đen.

3.2. Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) hộp bìa cát tông hình chữ nhật có kích thước 20cm x 9,5cm x 10cm có chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Mạnh H; trợ lý giám định Nguyễn Xuân Đ và các hình dấu tròn của Phòng PC09 Công an tỉnh Lạng Sơn tại phần giáp lai mới. Bên trong có 01 (một) túi nilon màu trắng đựng 750,97 gam Methamphetamine.

- 01 (một) Phong bì của Phòng Kỹ thuật hình sự ghi “VỤ: Lương T”, có chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Mạnh H, trợ lý giám định Nguyễn Xuân Đ và 02 (hai) hình dấu tròn của phòng kỹ thuật hình sự tại phần giáp lai. Bên trong có 01 (một) túi nilon đựng 20,39 gam chất ma túy Methamphetamine (phần trích mẫu còn thừa sau giám định).

- 01 (một) túi nilon màu đen, kích thước 39,5cm x 29,5cm.

3.3. Tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, số IMEI 1: 356950091402715, số IMEI 2: 356950096402710, bên trong lắp 01 sim mạng Viettel, trên sim có số 8984; 04800; 00328; 90086, máy đã qua sử dụng.

3.4. Trả lại cho bị cáo Lương T

- 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 452123198409267037.
- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu đồng, số IMEI: 352083071400337, bên trong lắp 01 sim mạng Viettel, máy cũ đã qua sử dụng, màn hình đã bị vỡ.
- 01 (một) chiếc đồng hồ đeo tay, nhãn hiệu OMEGA, màu vàng trắng, quai đeo bằng da, màu nâu.

(Các vật chứng trên được thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/7/2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn).

- 01 (một) phong bì thư mặt trước phong bì ghi “tang vật vụ Lương T vận chuyển TPCMT gồm 500 NDT” tại phần giáp lai mới có chữ ký cùng tên đồng chí Hoàng Văn D – Phó trưởng phòng Kỹ thuật hình sự và 01 (một) hình dấu tròn đỏ của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn được dán kín, niêm phong. Mặt sau phong bì có 01 (một) hình dấu tròn của Đoàn Biên phòng cửa khẩu C và chữ ký cùng tên của thành phần tham gia niêm phong gồm: Đoàn Bá P, Nguyễn Hồng Đ, Linh Hà T, Đỗ Văn S. Bên trong phong bì có 500đ (năm trăm nghìn đồng) tiền Trung Quốc. Hiện đang lưu giữ tại kho bạc Nhà nước tỉnh Lạng Sơn.

4. Về án phí:

Bị cáo Lương T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

Bị cáo Lương T có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/9/2019)/.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp Lạng Sơn;
- Phòng PV06 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo (trại tạm giam);
- Luật sư;
- Người phiên dịch;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa HS, KTNV& THA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Long Kiểm